

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 21-12-2020.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN C, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đức Dũng.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thịnh Hùng;
2. Ông Huỳnh Văn Chớ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 641/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 1, ấp Tân Đ, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 1, ấp Tân Đ, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 21-10-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn Q chung sống với nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn vào ngày 26-02-2002 tại Ủy ban Nhân dân xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện.

Nguyên nhân chị xin ly hôn với anh Q là do trong quá trình chung sống, anh Q thường xuyên uống rượu, quậy phá, đánh đập chị nhiều lần. Chị và anh Q đã

sống ly thân khoảng 03 tháng nay. Nay tình cảm, hạnh phúc, vợ chồng không còn nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 15-01-1999 và Nguyễn Văn H2, sinh ngày 18-11-2001. Nay các cháu H1 và H2 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:*

Về hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị Nguyễn Thị Bích L về thời gian chung sống vợ, chồng, đăng ký kết hôn, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh thừa nhận có uống rượu nhưng anh không có đánh chị L, vợ, chồng chỉ có cự cãi lớn tiếng. Nay anh vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Có 02 cháu như chị L trình bày. Nay các cháu H1 và H2 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích L đối với anh Nguyễn Văn Q; về con chung: Các cháu Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 15-01-1999 và Nguyễn Văn H2, sinh ngày 18-11-2001 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên chị L và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bích L và anh Nguyễn Văn Q là nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh Q.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích L và anh Nguyễn Văn Q chung sống vợ, chồng từ năm 1998 và đăng ký kết hôn ngày 26-02-2002 tại Ủy ban Nhân dân xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét thấy, trong thời gian chung sống, giữa chị L và anh Q phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q thường xuyên uống rượu về nhà chửi bới, đánh đập chị L nhiều lần, chính quyền địa phương có khuyên can nhưng anh Q không sửa đổi và vợ, chồng sống ly thân khoảng 03 tháng nay (BL số 34). Xét tình cảm vợ, chồng giữa chị L và anh Q không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh Q, cho chị L được ly hôn với anh Q.

[3] Về con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 15-01-1999 và Nguyễn Văn H2, sinh ngày 18-11-2001 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên chị L và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích L đối với anh Nguyễn Văn Q. Chị Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Các cháu Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 15-01-1999 và Nguyễn Văn H2, sinh ngày 18-11-2001 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên chị Nguyễn Thị Bích L và anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích L và anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án

phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001270, ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã Tân H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Đức Dũng**